

**ỦY BAN NHÂN DÂN DÂN QUẬN 2
HỘI ĐỒNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**



**GIỚI THIỆU
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
HIẾN PHÁP NĂM 1992**



Hiến pháp là văn kiện chính trị - pháp lý quan trọng, là nhân tố bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội và chủ quyền của quốc gia, thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ.

Là đạo luật cơ bản của Nhà nước, Hiến pháp có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật.



Kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đến nay, nước ta đã có 4 bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001). Các bản Hiến pháp này đều ra đời trong những bối cảnh và ở những thời điểm lịch sử nhất định nhằm thể chế hóa đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho mỗi giai đoạn phát triển của đất nước.



Hiến pháp năm 1992 được ban hành trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986) đề ra và đề thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991. Hiến pháp năm 1992 đã tạo cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng cho việc thực hiện công cuộc đổi mới. Qua 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.



Đến nay, đất nước ta đã có nhiều thay đổi trong bối cảnh tình hình quốc tế có những biến đổi to lớn, sâu sắc và phức tạp. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và các văn kiện khác của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định mục tiêu, định hướng phát triển toàn diện, bền vững đất nước trong giai đoạn cách mạng mới nhằm xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.



Vì vậy, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII đã quyết định *sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để bảo đảm đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; xây dựng và bảo vệ đất nước; tích cực và chủ động hội nhập quốc tế.*



Sửa đổi Hiến pháp là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước. Vì vậy, để đạt mục tiêu trên đây, yêu cầu của việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 là phải tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn những nội dung cơ bản có tính bản chất của chế độ ta đã được quy định trong Hiến pháp năm 1992 về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;



Yêu cầu của việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 là phải thể chế hóa kịp thời những quan điểm, chủ trương lớn được nêu trong Cương lĩnh và các văn kiện khác của Đảng; hoàn thiện kỹ thuật lập hiến, bảo đảm để Hiến pháp thực sự là đạo luật cơ bản, có tính ổn định, lâu dài.



Quan điểm cơ bản của việc sửa đổi Hiến pháp lần này là phải dựa trên cơ sở tổng kết sâu sắc việc thi hành Hiến pháp năm 1992 và các đạo luật có liên quan; căn cứ vào định hướng, nội dung của Cương lĩnh và các văn kiện khác của Đảng; kế thừa những quy định của Hiến pháp năm 1992 và của các bản Hiến pháp trước đây còn phù hợp; sửa đổi, bổ sung những vấn đề thực sự cần thiết, những vấn đề đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, có đủ cơ sở, nhận được sự thống nhất cao và phù hợp với tình hình mới đã được văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng xác định.



Trên cơ sở các yêu cầu và quan điểm sửa đổi nêu trên, Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã xác định **9 nội dung cơ bản của việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992**. Đó là:

Thứ nhất, để tiếp tục thể chế hóa và làm sâu sắc hơn chủ trương phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân;



Thứ hai, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động các lực lượng xã hội phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước;

Thứ ba, tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn bản chất, vị trí, vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội;



Thứ tư, phát huy nhân tố con người, thể hiện sâu sắc hơn quan điểm tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân;

Thứ năm, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ môi trường;



Thứ sáu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Thứ bảy, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;



Thứ tám, sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để tích cực, chủ động hội nhập quốc tế;

Thứ chín, sửa đổi kỹ thuật lập hiến và quy trình sửa đổi Hiến pháp để bảo đảm hiệu lực, tính ổn định, lâu dài của Hiến pháp.



Cụ thể hóa 9 nội dung cơ bản nêu trên, Dự thảo Hiến pháp sau khi sửa đổi, bổ sung có **11 chương, 124 điều**. So với Hiến pháp năm 1992, Dự thảo Hiến pháp giảm 1 chương, 23 điều, giữ nguyên 14 điều, sửa đổi, bổ sung 99 điều và bổ sung 11 điều mới. **Cụ thể như sau:**



1. Về Lời nói đầu

Trên cơ sở kế thừa Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1992, dự thảo Lời nói đầu được sửa đổi theo hướng nêu khái quát, cô đọng và súc tích hơn về truyền thống, lịch sử vẻ vang của đất nước, dân tộc, lịch sử lập hiến của nước ta; nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, mục tiêu xây dựng đất nước và ý nguyện của nhân dân ta trong việc ban hành và sửa đổi Hiến pháp, theo đó, “Nhân dân Việt Nam, với truyền thống yêu nước, đoàn kết một lòng, xây dựng và thi hành Hiến pháp vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.”



2. Về chế độ chính trị (Chương I)

Dự thảo Chương I được xây dựng trên cơ sở sửa đổi tên Chương I - Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Chế độ chính trị và gộp với Chương XI - Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Thủ đô, ngày Quốc khánh vì đây là những nội dung gắn liền với chế độ chính trị của quốc gia.



Về cơ bản, Dự thảo tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 1992; đồng thời làm rõ hơn, đầy đủ và sâu sắc hơn các vấn đề sau đây:



- Khẳng định thể chế của nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước **dân chủ**, độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ (**Điều 1**).

- Tiếp tục khẳng định bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức (**Điều 2**).



Đồng thời, Dự thảo bổ sung và phát triển nguyên tắc “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, **kiểm soát** giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” (**Điều 2**) theo tinh thần của Cương lĩnh. Đây là điểm rất mới của Dự thảo Hiến pháp. Kiểm soát quyền lực là nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền để các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thực thi có hiệu lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Hiến pháp và pháp luật, tránh việc lợi dụng, lạm dụng quyền lực.



- Quy định cụ thể hơn các phương thức để nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước **bằng hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện** thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và **thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (Điều 6)** mà không chỉ thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân như Hiến pháp năm 1992. Nội dung này được thể hiện nhất quán trong toàn bộ Dự thảo Hiến pháp.



- Tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, **đồng thời là đội tiên phong** của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội;

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; các tổ chức của Đảng và Đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật (Điều 4).



- Tiếp tục khẳng định và thể hiện rõ hơn tư tưởng phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong Lời nói đầu và các điều khoản cụ thể của Hiến pháp; giữ quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Công đoàn trong Hiến pháp năm 1992 nhưng bổ sung, làm rõ vai trò của Mặt trận, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các thành viên, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội (Điều 9, Điều 10).



- Về chính sách đối ngoại của nước ta cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới; khẳng định nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với tất cả các nước, **là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế (Điều 12).**



3. Về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (Chương II)

Dự thảo Chương II được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và bố cục lại Chương V - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân của Hiến pháp năm 1992 thành Chương: “**Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**” để khẳng định giá trị, vai trò quan trọng của quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp và đặt sau Chương I - Chế độ chính trị.



Dự thảo chuyển các quy định liên quan đến **quyền con người, quyền công dân** tại các chương khác về Chương này, làm rõ nội dung quyền con người, quyền công dân, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc tôn trọng, **bảo đảm** và **bảo vệ** quyền con người, quyền công dân; quy định quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Đồng thời, sắp xếp lại các điều theo các nhóm quyền để bảo đảm tính thống nhất giữa quyền con người và quyền công dân, bảo đảm tính khả thi hơn.



Dự thảo tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1992.

Đồng thời, đã bổ sung một số quyền mới là kết quả của quá trình đổi mới 25 năm qua ở nước ta, phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người mà Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên.



Đó là quyền sống (Điều 21), quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác (Điều 22), quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư (Điều 23), quyền kết hôn và ly hôn (Điều 39), quyền hưởng thụ các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa, tiếp cận các giá trị văn hóa (Điều 44), quyền xác định dân tộc (Điều 45), quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 46),... Dự thảo quy định quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị giới hạn trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng (Điều 15).



4. Về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường (Chương III)

Dự thảo Chương III được xây dựng trên cơ sở gộp Chương II - Chế độ kinh tế và Chương III - Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ nhằm thể hiện sự gắn **kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường.** Dự thảo đã thể chế hóa các quan điểm của Đảng được xác định trong Cương lĩnh về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường.



- *Về chế độ kinh tế*: Dự thảo đã làm rõ hơn tính chất, mô hình kinh tế (Điều 53, Điều 54), vai trò quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (Điều 55), chế độ sở hữu và quyền tự do kinh doanh (Điều 56), tài sản công thuộc sở hữu toàn dân (Điều 57), việc quản lý và sử dụng đất đai (Điều 58) và bổ sung một điều mới (Điều 59) về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia và các nguồn tài chính công khác.



- Về các thành phần kinh tế, trên cơ sở Cương lĩnh năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011), Dự thảo quy định “Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật” (Điều 54). Quy định này vừa bám sát nội dung của Cương lĩnh, vừa thể hiện một cách khái quát, cô đọng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với tính chất quy định của Hiến pháp, còn tên gọi và vai trò của từng thành phần kinh tế sẽ được xác định trong luật và các chính sách cụ thể của Nhà nước.



- *Về xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường:* Dự thảo cơ bản kế thừa những nội dung về từng lĩnh vực trong Hiến pháp năm 1992 nhưng được thể hiện một cách tổng quát, mang tính nguyên tắc, còn những vấn đề và chính sách cụ thể sẽ do luật định (các điều 63, 64, 65, 66, 67 và 68).



5. Về bảo vệ Tổ quốc (Chương IV)

Trên cơ sở giữ nội dung và bố cục của Chương IV của Hiến pháp năm 1992. Dự thảo xác định bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, phải được thể hiện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.



Dự thảo khẳng định và làm sâu sắc hơn vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, sự gắn kết giữa nhiệm vụ đối ngoại với quốc phòng, an ninh trong việc xây dựng đất nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện nghĩa vụ quốc tế và góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới.



6. Về bộ máy nhà nước

Tiếp tục kế thừa bản chất và mô hình tổng thể của bộ máy nhà nước trong Hiến pháp năm 1992, thể chế hóa các quan điểm của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền, Dự thảo làm rõ hơn nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; xác định rõ hơn chức năng của cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và điều chỉnh lại một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này; **bổ sung một số thiết chế** hiến định độc lập là **Hội đồng Hiến pháp**, **Hội đồng bầu cử quốc gia** và **Kiểm toán Nhà nước**.



6.1. Về Quốc hội (Chương V)

Vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội cơ bản giữ như quy định của Hiến pháp năm 1992; đồng thời, có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với chức năng của cơ quan thực hiện **quyền lập pháp** và mối quan hệ giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; cụ thể như sau:



Về Quốc hội:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 83 của Hiến pháp năm 1992, khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội **thực hiện quyền lập hiến, lập pháp**, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (Điều 74).



- Quy định rõ, khả thi và phù hợp hơn trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN quyền quyết định **mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách** và **nhiệm vụ cơ bản** phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (khoản 3 Điều 75) để xác định rõ hơn vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Quốc hội và Chính phủ;

- Tiếp tục quy định việc bỏ phiếu tín nhiệm và bổ sung quy định về **lấy phiếu tín nhiệm** đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn (khoản 8 Điều 75);



- Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (khoản 7 Điều 75) để phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình Tòa án nhân dân, làm rõ hơn vai trò của Quốc hội trong mối quan hệ với cơ quan thực hiện quyền tư pháp, đồng thời nâng cao vị thế của Thẩm phán theo tinh thần cải cách tư pháp;

- Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc giám sát, quy định tổ chức và hoạt động, quyết định nhân sự đối với Hội đồng Hiến pháp, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập (các khoản 2, 6, 7 và 9 Điều 75).



- Quy định rõ các loại **điều ước quốc tế** thuộc thẩm **quyền phê chuẩn** hoặc **bãi bỏ** của Quốc hội (khoản 14 Điều 75).

- Hiến định thẩm quyền của **Quốc hội trong việc thành lập Ủy ban lâm thời để nghiên cứu, thẩm tra một dự án hoặc điều tra về một vấn đề nhất định** được quy định tại Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Luật tổ chức Quốc hội (Điều 83).



Về Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Dự thảo làm rõ hơn thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội với tư cách là cơ quan thường trực của Quốc hội (Điều 78); lãnh đạo công tác của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội (khoản 5 Điều 79); **quyết định việc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** (khoản 7 Điều 79).



Về Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội:

Xuất phát từ tính chất hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, cũng như yêu cầu của công tác cán bộ ở nước ta, Dự thảo quy định theo hướng Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban; còn Phó Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban và Ủy viên Ủy ban do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn (Điều 80, Điều 81). Đồng thời, Dự thảo quy định rõ hơn về quyền yêu cầu cung cấp thông tin và bổ sung quyền yêu cầu giải trình của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội (Điều 82).



6.2. Về Chủ tịch nước (Chương VI)

Dự thảo tiếp tục giữ các quy định của Hiến pháp năm 1992 về vị trí, vai trò của Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Quy định như vậy phù hợp với bản chất và mô hình tổng thể của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị của nước ta do Đảng lãnh đạo. Dự thảo sắp xếp, bổ sung để làm rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước trong mối quan hệ với cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; **cụ thể như sau:**



- Trong mối quan hệ với Quốc hội: Giữ quy định về thẩm quyền công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh và đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh như quy định của Hiến pháp năm 1992 (**khoản 1 Điều 93**);

- Trong mối quan hệ với Chính phủ: Giữ quy định về thẩm quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ (**khoản 2 Điều 93**); làm rõ hơn thẩm quyền tham dự các phiên họp của Chính phủ, yêu cầu Chính phủ bàn về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước khi cần thiết (**Điều 95**)...;



- Trong mối quan hệ với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân: Giữ quy định về thẩm quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (khoản 3 Điều 93); làm rõ hơn thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao căn cứ vào nghị quyết phê chuẩn của Quốc hội; bổ sung nhiệm vụ, thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán các Tòa án khác để phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp (khoản 3 Điều 93)....;



Đồng thời, Dự thảo bổ sung và làm rõ hơn thẩm quyền của Chủ tịch nước trong việc quyết định đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế hoặc quyết định phê chuẩn, gia nhập điều ước quốc tế theo thẩm quyền do Quốc hội quy định (**khoản 6 Điều 93**); quy định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước trong việc thống lĩnh các lực lượng vũ trang, Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định **phong hàm, cấp sĩ quan cấp tướng** trong các lực lượng vũ trang nhân dân, **đô đốc, phó đô đốc, chuẩn đô đốc hải quân, bổ nhiệm Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam** (**khoản 5 Điều 93**).



6.3. Về Chính phủ (Chương VII)

Dự thảo tiếp tục kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và bổ sung quy định Chính phủ là cơ quan **thực hiện quyền hành pháp** (Điều 99).



- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ:

Dự thảo đã sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ cho phù hợp với vị trí, chức năng của Chính phủ với tính chất là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất và **cơ quan thực hiện quyền hành pháp** (Điều 101); chuyển thẩm quyền điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh sang thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội để phù hợp với tính chất và tầm quan trọng của việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính lãnh thổ.



- **Về Thủ tướng Chính phủ:** Dự thảo sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm tương thích với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; làm rõ hơn thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc định hướng, điều hành hoạt động của Chính phủ; lãnh đạo hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt của nền hành chính quốc gia; bổ sung thẩm quyền chỉ đạo việc đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước, đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; chỉ đạo thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (**Điều 103**).



- *Về Bộ trưởng và các thành viên Chính phủ:* Dự thảo làm rõ hơn mối quan hệ giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ. Nhằm tăng cường trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Dự thảo quy định các thành viên Chính phủ chịu trách nhiệm cá nhân trước Chính phủ, Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ (Điều 100 và Điều 104). Dự thảo bổ sung quy định “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ báo cáo công tác trước Chính phủ; thực hiện chế độ **báo cáo trước nhân dân** về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý” (khoản 2 Điều 104).



6.4. Về Tòa án nhân dân (Chương VIII)

Trên cơ sở tiếp tục kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các nguyên tắc hoạt động của Tòa án nhân dân, Dự thảo bổ sung quy định Tòa án nhân dân **thực hiện quyền tư pháp (Điều 107)**. Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (khoản 2 Điều 107); sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Tòa án (**Điều 107**) cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp theo hướng không xác định cấp Tòa án cụ thể trong Hiến pháp mà để luật định.



Đồng thời, Dự thảo không quy định việc thành lập các tổ chức thích hợp ở cơ sở để giải quyết các tranh chấp nhỏ trong nhân dân như Điều 127 của Hiến pháp năm 1992 mà để luật quy định. Về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án, theo yêu cầu cải cách tư pháp, Dự thảo đã sắp xếp và bổ sung **nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa** và chế độ xét xử sơ thẩm và phúc thẩm **được bảo đảm**; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm (**Điều 108**).



6.5. Về Viện kiểm sát nhân dân (Chương VIII)

Dự thảo tiếp tục kế thừa và khẳng định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp như Hiến pháp năm 1992 (khoản 1 Điều 112). Đồng thời, thể chế hóa yêu cầu về đổi mới hệ thống tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và để phù hợp với mô hình Tòa án nhân dân, Dự thảo đã sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Viện kiểm sát cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp (khoản 3 Điều 112).

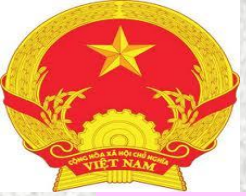


Dự thảo bổ sung và làm rõ hơn nguyên tắc “**khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, Kiểm sát viên tuân theo chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát**” (khoản 2 Điều 114). Qua thảo luận, có ý kiến đề nghị khôi phục chức năng kiểm sát chung của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát việc ban hành văn bản của cơ quan nhà nước; quy định khi thực hành quyền công tố, Kiểm sát viên độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.



6.6. Về chính quyền địa phương (Chương IX)

Dự thảo Chương IX được xây dựng trên cơ sở đổi tên Chương IX (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) của Hiến pháp năm 1992 và quy định một cách tổng quát về phân chia đơn vị hành chính lãnh thổ, còn những vấn đề về tổ chức, thẩm quyền của từng cấp chính quyền địa phương sẽ do luật định. **Cụ thể như sau:**



- *Về đơn vị hành chính lãnh thổ:* giữ như Điều 118 của Hiến pháp năm 1992: **Nước** chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; **tỉnh** chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh và thị xã; **thành phố trực thuộc trung ương** chia thành quận, huyện và thị xã; **huyện** chia thành xã, thị trấn; **thành phố thuộc tỉnh, thị xã** chia thành phường và xã; **quận** chia thành phường.



Đồng thời, để tạo cơ sở hiến định cho việc đổi mới tổ chức chính quyền địa phương, Dự thảo không quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp chính quyền địa phương mà quy định theo hướng: “Việc thành lập Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở các đơn vị hành chính lãnh thổ do luật định phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị hành chính lãnh thổ và phân cấp quản lý” (khoản 2 Điều 115). Qua thảo luận, có ý kiến đề nghị Hiến pháp chỉ quy định khái quát về đơn vị hành chính lãnh thổ để tạo điều kiện cho việc đổi mới tổ chức chính quyền địa phương; theo đó, đơn vị hành chính lãnh thổ gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh.



- Về địa vị pháp lý và chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương: Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992, Dự thảo tiếp tục khẳng định **Hội đồng nhân dân** là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; **quyết định** các biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, **các vấn đề quan trọng của địa phương** và **giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương**. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (**Điều 116**).



Dự thảo cũng sắp xếp lại và làm rõ hơn tính chất, trách nhiệm, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để phù hợp với nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước thống nhất và mối quan hệ giữa trung ương và địa phương trong tình hình mới (**Điều 116**).

Qua thảo luận, có ý kiến đề nghị không quy định tính chất quyền lực nhà nước của Hội đồng nhân dân vì dẫn đến cách hiểu về sự phân tán của quyền lực nhà nước, không phù hợp với nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất trong tổ chức bộ máy nhà nước ta.



6.7. Về Hội đồng Hiến pháp, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán Nhà nước (Chương X)

Để làm rõ hơn quyền làm chủ của nhân dân, cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực, hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Dự thảo bổ sung 3 thiết chế hiến định độc lập vào Chương X gồm **Hội đồng Hiến pháp, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán Nhà nước.**



Về Hội đồng Hiến pháp:

Dự thảo bổ sung quy định về thiết chế Hội đồng Hiến pháp (Điều 120) nhằm thực hiện chủ trương của Đại hội IX, X và XI về việc xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp; khắc phục những hạn chế, khiếm khuyết của cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiện hành, đồng thời bổ sung thêm hình thức và công cụ kiểm soát mới hữu hiệu hơn.



- **Hội đồng Hiến pháp** với vai trò là cơ quan do Quốc hội thành lập có nhiệm vụ giúp Quốc hội kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan ở trung ương ban hành; trường hợp phát hiện có vi phạm Hiến pháp thì kiến nghị Quốc hội xem xét lại luật hoặc yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ văn bản.

Qua thảo luận, cũng có ý kiến đề nghị đề nghị cần tiếp tục khẳng định và hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiện hành của Hiến pháp năm 1992, có ý kiến đề nghị thành lập Tòa án Hiến pháp, có ý kiến lại đề nghị cân nhắc không thành lập cơ quan chuyên trách bảo vệ Hiến pháp.



Về Hội đồng bầu cử quốc gia:

Dự thảo bổ sung thiết chế Hội đồng bầu cử quốc gia (Điều 121) nhằm thực hiện Kết luận của Hội nghị trung ương 5 về việc “*tăng cường hình thức dân chủ trực tiếp theo hướng hoàn thiện chế độ bầu cử*”. Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia nhằm góp phần thể hiện tính khách quan trong chỉ đạo tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.



Về Kiểm toán Nhà nước:

Dự thảo hiến định địa vị pháp lý của Kiểm toán Nhà nước trong Hiến pháp để tăng cường vị thế và trách nhiệm của cơ quan Kiểm toán Nhà nước. Đây là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, có chức năng kiểm toán việc quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính và tài sản quốc gia.



7. Về hiệu lực của Hiến pháp và việc sửa đổi Hiến pháp (Chương XI)

Dự thảo tiếp tục khẳng định Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất; mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp; đồng thời, bổ sung và quy định rõ mọi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý (Điều 123).



Về quy trình sửa đổi Hiến pháp, Dự thảo đã cụ thể hóa các quy định về thẩm quyền đề nghị sửa đổi Hiến pháp, thủ tục soạn thảo Hiến pháp, quy trình thông qua Hiến pháp (Điều 124). Theo đó, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp. Quốc hội quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.



Quốc hội thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Ủy ban dự thảo Hiến pháp tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo Hiến pháp và trình Quốc hội xem xét, thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định (Điều 124).

Qua thảo luận, cũng có ý kiến cho rằng, để thể hiện đầy đủ chủ quyền nhân dân, cần kết hợp quyền của nhân dân và thẩm quyền của Quốc hội trong việc làm và sửa đổi Hiến pháp. Vì vậy, ý kiến này đề nghị quy định theo hướng Dự thảo sửa đổi Hiến pháp sau khi được Quốc hội thông qua với đa số tuyệt đối thì phải được trưng cầu ý dân trước khi có hiệu lực.



8. Về kỹ thuật lập hiến

Đề Hiến pháp thực sự là đạo luật cơ bản của Nhà nước, có tính ổn định lâu dài, kỹ thuật lập hiến của Dự thảo được thể hiện theo hướng: Hiến pháp chỉ quy định những vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc và được thể hiện khái quát, cô đọng, súc tích; những vấn đề về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước thì cần được quy định rõ trong Hiến pháp; còn quy trình, thủ tục, cách thức tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ cần để luật điều chỉnh.



Một số chủ trương, chính sách cụ thể về phát triển ngành, lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, thể dục, thể thao) không quy định trong Hiến pháp mà để luật điều chỉnh để bảo đảm tính linh hoạt trong bổ sung, hoàn chỉnh chủ trương, chính sách và trong quản lý, điều hành.



Sửa đổi Hiến pháp là công việc rất hệ trọng của đất nước, cần phát huy tinh thần yêu nước, quyền làm chủ của nhân dân, sự tham gia đóng góp trí tuệ, tâm huyết của đông đảo các tầng lớp nhân dân, các chuyên gia, các nhà khoa học, các ngành, các cấp để Hiến pháp sửa đổi lần này thực sự là một bước tiến mới cả về nội dung và kỹ thuật lập hiến, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới./.